| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BL**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 09- 01- 2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Kim

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thọ

Ông Nông Văn Chương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nông Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà**:* Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 01 năm 1984 tại huyện BM, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân: xxx; Nơi cư trú: thôn BT, xã YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Nông Thị Xuân, sinh năm 1965; vợ: Dương Thị N, sinh năm 1985, con: 02, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: 01, Bản án số 20/2017/HSST ngày 02/6/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang, kết án về tội Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma tuý; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án 14/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Toà án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà Giang kết án về tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Nông Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987 tại huyện BM, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân: xxx; Nơi cư trú: số nhà xx, tổ x, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nông Minh N, sinh năm 1946 và bà Lã Thị T (đã chết); vợ: Hoàng Thị X, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: 02, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án 14/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Toà án nhân dân huyện BM, tỉnh Hà Giang kết án về tội Trộm cắp tài sản và tội trốn khỏi nơi giam giữ; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Các bị hại:*

+ Sùng A P, sinh ngày 01/01/1998; Nơi cư trú: xóm PR, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Hoàng Văn S, sinh ngày 01/01/1996; Nơi cư trú: xóm KV, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

+ Dương Văn L, sinh ngày 04/11/1960; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Lữ Thị T, sinh ngày 15/8/1979; Nơi cư trú: xóm NL, xã VQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Ngày 25/09/2024, Công an xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận tin báo của ông Sùng A P về việc: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/9/2024, gia đình ông bị mất trộm 01 con lợn lông màu đen, nặng khoảng 30 kg đang được nuôi nhốt tại chuồng của gia đình. Ngày 26/09/2024, Công an xã LB đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được N sau: Sáng ngày 24/09/2024, Nông Văn N đến nhà Nguyễn Văn T, T rủ N đi tìm sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản của họ tại huyện BL, Cao Bằng, N đồng ý. N đã lấy 02 chiếc bao tải, một bao màu trắng, một bao màu xanh từ nhà của T để vào trong cốp xe máy, biển kiểm soát 23K1- 008.20 của N đựng tài sản khi trộm cắp được, sau đó, N điều khiển xe máy chở T đi đến xóm PR, xã LB, BL, Cao Bằng thì thấy nhà của Sùng A P. N điều khiển xe máy vào sân nhà P rồi dừng lại, N và T quan sát trong nhà và khu vực xung quanh không có người. T ở lại vị trí xe để cảnh giới, N đi vào chuồng lợn của P thấy 01 con lợn màu lông đen, miệng màu trắng đang được nuôi nhốt trong chuồng nên nói với T "Có lợn", N trèo vào trong chuồng lợn, T mở cốp xe lấy 02 bao tải đã chuẩn bị từ trước, để bao tải màu trắng tại giá để đồ của xe, còn bao tải xanh thì mang đến đưa cho N. N cầm bao tải, dồn con lợn vào một góc rồi mở rộng miệng bao để lợn chui vào bao. Bắt lợn xong, N dựng bao

tải có lợn bên trong lên rồi đưa cho T đang ở ngoài chuồng lợn cầm giữ, T và N đem bao tải đến vị trí xe rồi lồng tiếp thêm bao tải trắng bên ngoài. T và N đặt lợn lên giá để đồ trước vị trí ngồi của xe rồi N điều khiển xe chở T và con lợn đi về đến nhà Phùng Văn S. N gọi S ra và hỏi S "Có mua lợn không?", S trả lời: "Bán bao nhiêu". N nói bán với giá 2.000.000 đồng, S không đồng ý mua. Sau đó T, N, S cùng cân con lợn được 38 kg. S bảo T và N khiêng lợn vào chuồng rồi vào nhà S ăn cơm, trong lúc ăn cơm S thỏa thuận với T, N về việc mua lợn, N là người trực tiếp thỏa thuận và bán được cho S với giá 1.500.000 đồng. N lấy số tiền bán lợn được chia cho T 500.000 đồng rồi cùng nhau đi về nhà. Trên đường đi, T và N thấy một người đàn ông đang đứng ở đường giơ tay ra hiệu và nói "dừng lại", T và N nghĩ hành vi trên của bản thân đã bị phát hiện nên đã quay xe bỏ chạy, khi chạy đến đoạn đường gần bãi rác thuộc xóm BB, xã TH, huyện BL, Cao Bằng thì thấy có xe của Công an xã đi ngược chiều. Đến gần cổng bãi rác TH thì xe bị chết máy, T xuống xe và bỏ chạy trước, N dắt xe vào bụi cây chuối gần đường để giấu rồi cũng chạy trốn, không dám quay lại vị trí bãi rác lấy xe máy.

Ngày 26/9/2024, Nguyễn Văn T đã đến Công an huyện BL, Cao Bằng để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân, đã giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số tiền 4.880.000 đồng. Ngày 27/9/2024, Nông Văn N đã đến Công an huyện BL, Cao Bằng để đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số tiền 775.000 đồng

T và N còn khai nhận đã thực hiện các lần trộm cắp khác, cụ thể:

Ngày 30/08/2024, Nông Văn N do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, N một mình đã lấy 01 bao tải màu trắng cho vào cốp xe rồi một mình điều khiển xe máy, biển kiểm soát 23K1-008.20 của N đi đến huyện BL, tỉnh Cao Bằng. N đi đến chợ KV, xã LB, huyện BL rồi quay lại thì thấy nhà sàn của Hoàng Văn S. N điều khiển xe lên sân nhà S, quan sát thấy không có ai ở nhà nên đã lấy chiếc bao tải trong cốp xe và đi vào chuồng lợn của nhà S. N thấy bên trong chuồng đang nuôi nhốt 04 con lợn lông màu đen có khối lượng tương đương với nhau, mỗi con nặng khoảng 16 kg. N trèo vào trong chuồng, dùng hai tay cầm mở bao tải, đuổi dồn lợn chạy vào góc chuồng đến khi 02 con lợn đã chui vào bao thì N cầm dựng bao lên và nắm miệng bao, buộc lại rồi đi ra ngoài chuồng, đặt lợn lên vị trí để đồ của xe và đi về. 02 con lợn N bắt là lợn cái, N chở lợn đến nhà Phùng Văn S với mục đích bán lợn, tuy nhiên, khi đến nhà S thì phát hiện lợn đã chết. N nói dối S là "đi chợ mua lợn về thì lợn chết" và nhờ thịt lợn ở nhà S, sẽ chia cho S một ít, S đồng ý. Sau khi mổ xong 02 con lợn, N và S nấu một phần của một con lợn để ăn trưa, một phần S giữ lại để ăn dần, con lợn đã mổ còn lại thì N cho vào bao tải trắng để mang về nhà. Chiếc bao tải đựng lợn N đã vứt đi.

Vào sáng ngày 20/9/2024, N đến nhà của T để chơi, T đã rủ N đến huyện BL, tỉnh Cao Bằng để trộm cắp tài sản, N đồng ý. N lấy 02 bao tải, một bao màu trắng, một bao màu xanh từ nhà của T và cho vào cốp xe. N điều khiển xe chở T đi đến xóm ĐS, xã NQ, đến nhà của ông Dương Văn L. T, N dừng xe gần ngôi nhà và quan sát thấy trong nhà không có người trông coi nên T đứng tại vị trí xe máy để cảnh giới còn N thì đi vào chuồng lợn ở trước nhà, N thấy có 02 con lợn trong chuồng nên bảo với T: "chuồng có lợn". T nhìn thấy 01 bao tải màu trắng ở gần vị trí xe nên đã nhặt và mang đến cho N. Bằng phương thức, thủ đoạn N các lần trên, N đã bắt được 01 con lợn đực, có lông màu đen, nặng 22 kg. N và T mang bao tải đựng lợn ra xe sau đó đặt ở phần giá để đồ phía trước vị trí ngồi của xe. N chở T đến nhà Phùng Thị D để bán, thấy bà Dở nhà, N và T thỏa thuận với bà Dgiá tiền con lợn là 1.000.000 đồng. N và T lấy con lợn cho vào trong chuồng nhà bà D và vứt bao tải đựng lợn ở nhà bà D. T và N chia nhau mỗi người 500.000 đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 20/9/2024, T lại rủ N đi trộm lợn, N đồng ý. N chở T đi đến xóm NL, xã VQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng rồi dừng lại nhà bà LThị T. N đi về phía chuồng lợn gần cầu thang lên xuống thì BL, Cao Bằng. Quan sát không có ai ở nhà nên T, N đi xe vào gầm sàn nhà rồi dừng lại. N đi về phía chuồng lợn thấy có 03 con lợn đang được nuôi nhốt ở trong chuồng, T hỏi N "có lợn không", N đáp "có". T mở cốp xe lấy ra hai chiếc bao tải mà N đã chuẩn bị từ nhà T đem đến chuồng lợn cho N. N trèo vào chuồng lợn, cầm bao tải màu xanh mà T đã đưa rồi dồn 01 con lợn vào trong góc chuồng, mở rộng miệng bao để lợn chui vào trong bao. N nhấc bao tải chứa lợn đưa cho T đang chờ sẵn ngoài chuồng, T mang bao tải có lợn ra xe, N lại tiếp tục cầm bao tải trắng bắt thêm 01 con lợn trong chuồng nữa và mang ra đến chỗ để xe mà T đang đợi. 02 con lợn, có 01 con lợn đực đã thiến, lông màu đen, nặng 15 kg; 01 con con lợn đực, bốn chân màu trắng, phần bụng và lưng màu đen trắng, nặng 15kg. T và N lồng chiếc bao tải màu xanh đang đựng lợn vào trong chiếc bao tải trắng đang đựng con lợn thứ hai, thắt miệng bao và để tại vị trí giá để đồ của xe máy. T, N ngồi lên xe bắt đầu nổ máy để tẩu thoát thì bà LThị T đang đi bộ về đến gần nhà nhìn thấy, bà Tiên tri hô "hai người này trộm lợn của tôi rồi" bằng tiếng dân tộc Tày, tuy nhiên, N, T đã không nghe thấy nên đã điều khiển xe ra đến tận đường. T ngồi sau xe có ngoảnh mặt thì thấy bà LThị T đang đứng trên đường Nhưng T không biết bà Tiên có phải là chủ nhà hay không, N điều khiển xe nên không phát hiện được bà Tiên đã về đến. N điều khiển xe đến nhà bà Phùng Thị D để tiếp tục bán lợn cho bà D. N, T thỏa thuận với bà Dgiá của 02 con lợn là 1.600.000 đồng, tuy nhiên, bà Dchỉ trả trước 1.200.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả sau, các bao tải đựng lợn để ở nhà bà D. N nhận tiền, chia cho T số tiền 600.000 đồng, T mua ma tuý để sử dụng với một người đàn ông không quen biết tại chợ Luầy, xã Thạch Lâm và đã sử dụng hết.

Ngày 26/09/2024 Phùng Văn S giao nộp 01 con lợn màu lông đen, phần miệng màu trắng, khối lượng là 36 kg; Phùng Thị D giao nộp 01 con lợn đực đã thiến, toàn thân có lông màu đen, khối lượng là 22 kg; 01 con lợn đực đã thiến, lông màu đen, khối lượng là 15 kg; 01 con lợn đực, bốn chân màu trắng, phần bụng và lưng màu đen trắng, khối lượng là 15 kg.

Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2024, kết luận: 01 một con lợn, lông màu đen, có phần miệng màu trắng, khối lượng 36 kg có trị giá 2.412.000 đồng; 01 con lợn đực, đã thiến, lông màu đen, khối lượng 15 kg có trị giá 1.095.000 đồng; 01 con lợn đực, bốn chân màu trắng, phần bụng và lưng màu đen trắng, khối lượng 15 kg có trị giá 1.005.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 4.512.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 91/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2024, kết luận: 01 con lợn đực, đã thiến, toàn thân có lông màu đen có khối lượng 22 kg có trị giá: 1.760.000 đồng; 01 con lợn cái, toàn thân màu đen có khối lượng 16 kg có trị giá: 1.280.000 đồng; 01 con lợn cái, toàn thân màu đen có khối lượng 16 kg có trị giá: 1.280.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 4.320.000 đồng.

Ngày 26/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trả lại cho Sùng A P 01 con lợn 36 kg; Trả lại cho bà LThị T 02 con lợn, mỗi con khối lượng 15 kg; Trả lại cho ông Dương Văn L 01 con lợn khối lượng 22 kg.

Quá trình bị tạm giam, Nguyễn Văn T và Nông Văn N đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2024, gia đình Nguyễn Văn T và Nông Văn N đã bồi thường cho gia đình Hoàng Văn S số tiền 3.500.000 đồng; Lữ Thị T số tiền 2.000.000 đồng; Phùng Thị Dsố tiền 2.200.000 đồng; Phùng Văn S số tiền 1.500.000 đồng.

Số tiền 4.880.000 đồng và số tiền 775.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, Cao Bằng; Các vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, xe không lắp biển số, đã qua sử dụng; 01 bao tải màu trắng, bên ngoài có chữ "AA", 01 bao tải màu xanh, 01 bao tải màu trắng và các vật chứng khác được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Đối với người đàn ông bán ma tuý cho Nguyễn Văn T tại chợ Luầy, xã Thạch Lâm, huyện BL, tỉnh Cao Bằng do T không biết họ tên địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ điều kiện mở rộng vụ án.

Phùng Thị D là người mua lợn với Nguyễn Văn T và Nông Văn N, Phùng Văn S là người mua lợn và thịt lợn do N, T trộm cắp được Nhưng D và S không biết lợn là do T, N trộm cắp được mà có, không bàn bạc, hứa hẹn trước với T, N, do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm

hình sự đối với D và S.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSBL ngày 25/12/2024 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nông Văn N về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân N nội dung bản Cáo trạng số 01/CT-VKSBL ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố, bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị trả lại 01 điện thoại, số tiền 4.880.000 đồng; Bị cáo Nông Văn N đề nghị trả lại 01 điện thoại, số tiền 775.000 đồng; Các bị cáo đề nghị miễn án phí.

Bị hại Hoàng Văn S, Lữ Thị T, Sùng A P có đơn xin xét xử vắng mặt, xác nhận, các bị hại đã nhận lại được lợn, đã được gia đình các bị cáo bồi thường xong nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm.

Bị hại Dương Văn L khai ngày sáng ngày 20/9/2024, gia đình ông đi làm không có ai ở nhà, đến khoảng 12 giờ về nhà thì phát hiện mất 01 con lợn đực, có lông màu đen, nặng 22 kg, ông đã đi tìm Nhưng không thấy. Công an huyện đã báo cho ông biết người lấy trộm lợn. Ngày 26/9/2024, gia đình ông đã nhận lại được con lợn đã bị mất trộm. Tại phiên toà hôm nay, ông yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông tiền thu nhập bị mất do quá trình tìm kiếm và làm việc với cơ quan chức năng với tổng số ngày là 05 ngày với số tiền là 1.000.000 đồng và tiền xăng xe đi lại phục vụ việc tìm kiếm và đến làm việc các cơ quan chức năng là 200.000 đồng. Tổng số tiền ông L yêu cầu bồi thường là 1.200.000 đồng.

Các bị cáo nhất trí bồi thường cho ông L tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó, bị cáo T bồi thường số tiền 600.000 đồng, bị cáo N bồi thường số tiền 600.000 đồng.

Phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều

51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại, số tiền 4.880.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nông Văn N 01 điện thoại, số tiền 775.000 đồng Nhưng tạm giữ các số tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, xe không lắp biển số, đã qua sử dụng; Tịch thu, tiêu huỷ: 01 bao tải màu trắng, bên ngoài có chữ "AA", 01 bao tải màu xanh, 01 bao tải màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, các bị cáo và bị hại L đã thoả thuận được số tiền bồi thường, đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận này. Các bị cáo T N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại L với tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó, bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 600.000 đồng, bị cáo N có nghĩa vụ bồi thường số tiền 600.000 đồng.

Về án phí: Tại phiên toà, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, các bị cáo thuộc đối tượng miễn án phí đề nghị miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T, bị cáo N, bị hại L không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai các bị hại, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Nguyễn Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, bị

cáo Nông Văn N đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Sáng ngày 30/08/2024, bị cáo Nông Văn N một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 23K1- 008.20 đi đến nhà của bị hại Hoàng Văn S tại xóm KV, xã LB, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. N quan sát nhà bị hại S không có người trông giữ nên đã lấy chiếc bao tải trong cốp xe, tiến vào chuồng lợn nhà ông S, bắt 02 con lợn lông màu đen, khối lượng mỗi con 16 kg, tổng trị giá 02 con lợn là 2.560.000 đồng

Sáng ngày 20/9/2024, bị cáo T và bị cáo N cùng nhau đi đến xóm ĐS, NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, đến nhà bị hại Dương Văn L. T, N quan sát thấy nhà bị hại L không có người trông coi, bị cáo T đứng cạnh xe để cảnh giới, bị cáo N đi vào chuồng lợn thấy có lợn nên báo cho bị cáo T, bị cáo T đưa bao tải cho bị cáo N. Bị cáo N vào chuồng lơn, dồn lợn vào góc chuồng và bắt được 01 con lợn đực, có lông màu đen, nặng 22 kg, có trị giá là 1.760.000 đồng, rồi cả hai người đã nhanh chóng tẩu thoát.

Khoảng 14 giờ ngày 20/9/2024, Bị cáo T lại rủ bị cáo N tiếp tục đi trộm lợn. N và chở T đi đến xóm NL, xã VQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng đến nhà bị hại Lữ Thị T, quan sát thấy nhà bà Tiên không có người ở nhà. N đi về phía chuồng lợn thấy có 03 con lợn, T hỏi N "có lợn không", N đáp "có". T mở cốp xe lấy bao tải đưa cho N, N cầm bao tải vào chuồng lợn bắt được 02 con lợn, có 01 con lợn đực đã thiến, lông màu đen, nặng 15 kg; 01 con con lợn đực, bốn chân màu trắng, phần bụng và lưng màu đen trắng, nặng 15kg; tổng trị giá 02 con lợn là 2.100.000 đồng.

Sáng ngày 24/09/2024, bị cáo Nông Văn N và bị cáo Nguyễn Văn T lại rủ nhau đi trộm cắp tài sản. N và T đi đến nhà bị hại Sùng A P tại xóm PR, xã LB, BL, Cao Bằng. N và T quan sát thấy nhà P không có người, T ở lại vị trí xe để cảnh giới, N đi vào chuồng lợn của bị hại P bắt 01 con lợn lông màu đen, miệng màu trắng, nặng 36 kg, có trị giá 2.412.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật Nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo T và bị cáo N đã đủ yếu tố cấu T tội Trộm cắp tài sản. Tổng trị giá tài sản bị cáo N chiếm đoạt của các bị hại trên 2.000.000 đồng nên bị cáo N phạm tội theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Tổng trị giá tài sản bị cáo bị cáo T chiếm đoạt tài sản của các bị hại dưới 50.000.000 đồng Nhưng trước đó bị cáo T đã bị kết án theo Bản án số 20/2017/HSST ngày 02/6/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang, bản án đã xác định bị cáo T có 01 tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm g, khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/01/2022, tính đến nay bị cáo T chưa được xoá án tích, do đó,

bị cáo T phạm tội với tình tiết định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 01/CT-VKSBL ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nông Văn N về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm Nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo T, N là đồng phạm trong 03 lần chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò các bị cáo N sau: Các bị cáo đều là người thực hành; bị cáo T cảnh giới cho bị cáo N, hỗ trợ bị cáo N thực hiện bắt trộm lợn; bị cáo N sử dụng phương tiện của bản thân chở bị cáo T, trực tiếp thực hiện trộm lợn của các bị hại, do đó, vai trò của bị cáo N có vai trò cao hơn bị cáo T. Đối với 01 lần chiếm đoạt tài sản vào ngày 30/8/2024 là do một mình bị cáo N thực hiện, không có đồng phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo N có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo T có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, cần thiết phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm.

[5] Về nhân thân: Bị cáo N được bố mẹ nuôi dưỡng cho học tập đến hết trương trình phổ thông lớp 12/12. Tuy không có tiền án, tiền sự Nhưng bị trước đó bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và tội Trốn khỏi nơi giam giữ, cho thấy bị cáo chưa chấp hành tốt các quy định pháp luật của Nhà nước nên Hội đồng xử xác định bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xoá án tích theo Bản án số 20/2017/HSST ngày 02/6/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang vì vậy bị cáo T có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, trong đó có 02 lần trị giá chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng là các lần vào chiều ngày 20/9/2024 và sáng ngày 24/9/2024; Bị cáo T có 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, trong đó có 03 lần trị giá chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, là các lần: sáng ngày 30/8/2024, chiều ngày 20/9/2024 và sáng ngày 24/9/2024; Do đó, các bị cáo N, T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều thể hiện thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại để khắc phục hậu quả; sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo T, N đã đến Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng để đầu

thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nông Văn N có bố đẻ là ông Nông Minh N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Bộ Tư pháp tặng Bằng Khen, có mẹ đẻ là bà Lã Thị T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên được Hội đồng xét xử cho bị cáo N hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với các khen thưởng khác N của ông Nông Minh N N: Huy chương vì sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Uỷ ban mặt trận tổ quốc tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[8] Hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe đối với các bị cáo. Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL đối với các bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Qua các tài liệu có trong hồ sơ và xét hỏi công khai tại phiên toà, xác định, bị cáo T thuộc hộ nghèo, bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Lữ Thị T, Sùng A P, Hoàng Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại Dương Văn L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền 1.200.000 đồng. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại L, Sự thoả thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và bị hại L phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, cần ghi nhận. Các bị cáo phải bồi thường cho bị hại L với tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó, mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông L với số tiền 600.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số tiền 4.880.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số tiền 775.000 đồng của bị cáo Nông Văn N, là vật, tiền không liên quan đến hành vi

phạm tội của các bị cáo, các bị cáo có đề nghị được trả lại, cần chấp nhận theo điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuy nhiên các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại nên cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, xe không lắp biển số, đã qua sử dụng, các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng vụ án; Kết quả điều tra xác định, chiếc xe thuộc sở hữu của bị cáo Nông Văn N; cần tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 bao tải màu trắng, bên ngoài có chữ "AA", 01 bao tải mau xanh, 01 bao tải màu trắng, là vật mang dấu vết tội phạm, là vật chứng vụ án, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*Xác nhận, Số tiền 4.880.000 đồng và số tiền 775.000 đồng đang được tạm giữ tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng tại Kho bạc Nhà nước huyện BL. Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 11 ngày 28/11/2024.*

[12] Các vấn đề liên quan: Đối với người đàn ông bán ma tuý cho Nguyễn Văn T, do T không biết họ tên địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ điều kiện mở rộng vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Phùng Thị Dlà người mua lợn với Nguyễn Văn T và Nông Văn N; Phùng Văn S là người mua lợn và thịt lợn với N và T nhưng D và S không biết lợn là do T, N trộm cắp được mà có, D, S không bàn bạc, hứa hẹn trước với T, N, do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và S là có căn cứ.

[13] Về án phí hình sự: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Tại phiên toà các bị cáo thoả thuận bồi thường cho bị hại nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng xét đơn xin miễn án phí của các bị cáo tại phiên toà, bị cáo T thuộc hộ nghèo, bị cáo N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[15] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, không phạt bổ sung bị cáo, trách nhiệm dân sự,

xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Lời nói sau cùng của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm g, khoản 1, Điều 52; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/9/2024. Không phạt bổ sung bị cáo.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm g, khoản 1, Điều 52; điểm s, b, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn N 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/9/2024. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nông Văn N phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Dương Văn L (sinh ngày 04/11/1960, nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) với tổng số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 600.000 đồng, bị cáo Nông Văn N có nghĩa vụ bồi thường số tiền 600.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T:

+ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863944047707216, số IMEI 2: 86394407707208;

+ Số tiền 4.880.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)

Nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn N:

+ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358244104670965/01, số IMEI 2: 358245104670962/01. Màn hình có nhiều vết nứt vỡ;

+ Số tiền 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng) Nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, có lắp gương thấp bên trái đã bị mất phầnn gương chiếu, xe không lắp biển số; số máy 5C64- 666864; số khung: RLCS5C640BY666864, dung tích xi lanh 110,3cm, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 01 (Một) bao tải màu trắng, bên ngoài có chữ "AA" và nhiều hoa văn, họa tiết. Bên trong và ngoài bao có bám dính nhiều chất bẩn màu nâu.

+ 01 (Một) bao tải màu xanh, bên trong và ngoài bao có bám dính nhiều chất bẩn màu nâu.

+ 01 (Một) bao tải màu trắng, bên trong và ngoài bao có bám dính nhiều chất bẩn màu nâu.

*Xác nhận số tiền 4.880.000 đồng và số tiền 775.000 đồng đang được tạm giữ tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng tại Kho bạc Nhà nước huyện BL. Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 11 ngày 28/11/2024.*

5. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn N.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hìnhsự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Hoàng Thị Kim**